|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO 4**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*83/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx)*ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**83/2014/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx)**ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu**

**1. Điều 2 được bổ sung như sau:**

“3. Ngoài các thương nhân kinh doanh xăng dầu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân kinh doanh xăng dầu có tổ chức hoạt động sản xuất xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 35%.”.

**2. Khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“1. Xăng dầu là tên chung để chỉ các sản phẩm của quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, chất thải và các nguyên vật liệu khác để tạo ra các sản phẩm dùng làm nhiên liệu, bao gồm: Xăng, dầu đi-ê-zen, dầu hỏa, dầu ma-dút, nhiên liệu hàng không, nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên.”

“3. Sản xuất xăng dầu là quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

“7. Giá xăng dầu thế giới được sử dụng làm căn cứ tính giá cơ sở là giá xăng dầu thành phẩm được giao dịch thực tế trên thị trường quốc tế và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày được cơ quan chủ trì điều hành giá xăng dầu xác định và công bố.”

“9. Giá cơ sở là giá tối đa được xác định trên các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn sản xuất trong nước và nhập khẩu, làm căn cứ để cơ quan nhà nước điều hành giá bán lẻ xăng dầu trong nước (riêng dầu madut là giá bán buôn).”

“10. Thương nhân kinh doanh xăng dầu bao gồm: Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu; thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu; thương nhân phân phối xăng dầu; thương nhân làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; thương nhân làm đại lý bán lẻ xăng dầu; thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu; thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu.”

“11. Thương nhân đầu mối bao gồm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu là thương nhân mua xăng dầu trực tiếp từ nhà máy sản xuất xăng dầu (hoặc từ doanh nghiệp được giao quyền phân phối toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) hoặc nhập khẩu xăng dầu để cung ứng xăng dầu cho hệ thống của mình và xuất khẩu xăng dầu.

Thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu là thương nhân thực hiện quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.

**3. Bổ sung các khoản sau vào Điều 3**

“17. Nhiên liệu sinh học tại Nghị định này là các loại xăng, dầu, etanol nhiên liệu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học (QCVN 1:2015/BKHCN) ban hành kèm theo Thông tư số [22/2015/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-22-2015-tt-bkhcn-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-xang-nhien-lieu-diezen-nhien-lieu-sinh-hoc-297541.aspx) của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 11 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”

“18. Kê khai giá đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm trong nước là việc các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu gửi văn bản thông báo mức giá bán xăng, dầu thành phẩm cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính) khi thực hiện Điều chỉnh giá đối với các mặt hàng này.”

“19. Đăng ký giá đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm trong nước là việc các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu lập, phân tích việc hình thành mức giá và gửi biểu mẫu thông báo giá cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính) trước khi thực hiện Điều chỉnh giá đối với các mặt hàng này, trong thời gian Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định.”

“20. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu là Quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước, là một yếu tố cấu thành giá cơ sở và chỉ được sử dụng để phục vụ mục tiêu ổn định thị trường, bình ổn giá xăng dầu trong nước theo quy định của pháp luật.”

“21. Sở hữu cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu (cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho, phương tiện vận tải, cầu cảng, phương tiện tra nạp, phòng thử nghiệm và các phương tiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh xăng dầu) là việc chủ sở hữu phải có tỷ lệ sở hữu tối thiểu 35% giá trị loại cơ sở vật chất tại thời điểm xác lập quyền sở hữu cơ sở vật chất đó.

“22. Công cụ, nghiệp vụ phái sinh là các công cụ tài chính được sử dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro do biến động giá cả hàng hóa”.

**4.** Đổi tên thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thành thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đổi tên Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

5. Sửa đổi bổ sung Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7 Điều 7 như sau:

“3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu mười lăm nghìn mét khối (15.000 m3) để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

5. Có hệ thống phân phối xăng dầu: Tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên (trong đó có ít nhất năm (05) cửa hàng thuộc sở hữu) của doanh nghiệp, tối thiểu bốn mươi (40) tổng đại lý hoặc đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.

7. Thương nhân đầu mối kinh doanh nhiên liệu hàng không không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại Khoản 5 Điều này nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hệ thống kho đầu nguồn tiếp nhận xăng dầu; Phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu bay phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê.

- Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không.

- Có hệ phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của JIG.

- Tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng nhiên liệu hàng không của các tổ chức trong và ngoài nước, đảm bảo an ninh, an toàn.”

**5. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 2 và Khoản 6 Điều 8 như sau:**

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê, danh sách tổng đại lý, đại lý, thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.”

“6. Bộ Công Thương có thẩm quyền thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu bị thu hồi trong các trường hợp: Thương nhân bị phá sản theo quy định của pháp luật; thương nhân không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thương nhân không dự trữ xăng dầu theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định này; thương nhân vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm quy định về bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường tại Nghị định này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7, Khoản 11 Điều 9** **như sau:**

“7. Bảo đảm nguồn cung xăng dầu không thấp hơn mức tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao cho cả năm; cung ứng xăng dầu đúng tiến độ theo quý hoặc theo văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Công Thương; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu chủng loại và mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định này.”

“11. Thương nhân đầu mối là chủ sở hữu xăng dầu trên toàn hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trừ trường hợp xăng dầu bán cho thương nhân đầu mối khác, thương nhân phân phối xăng dầu và bán cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Thương nhân đầu mối phải đăng ký hệ thống phân phối của mình theo quy định của Bộ Công Thương.”

**7. Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều 13 được sửa đổi như sau:**

“2. Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m3), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên (trong đó có ít nhất hai (02) cửa hàng thuộc sở hữu), tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

**8. Điểm a khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu theo Mẫu số 5 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định này;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 13 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.

- Bản sao Hợp đồng mua bán xăng dầu của thương nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu với thương nhân đầu mối.”

**9. Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m3), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên (trong đó có ít nhất hai (02) cửa hàng thuộc sở hữu), tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

**10. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

**11. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

**12. Khoản 2, Khoản 3 Điều 24 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“2. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.”

“3. Được thiết kê, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.”

**13. Bổ sung Điều 24 như sau:**

“5. Loại hình phương tiện bán xăng dầu mini được phép hoạt động nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Được kiểm soát về đo lường và kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng

b. Được hoạt động tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa theo danh mục Nhà nước ban hành và không được doanh nghiệp đầu tư cây xăng trong bán kính 15 km.

c. Thông báo với chính quyền địa phương về việc kinh bán lẻ xăng dầu bằng phương tiện bán xăng dầu mini”

**14. Điểm a khoản 2 Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định này và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho từng cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp.

- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.”

**15. Khoản 6 Điều 26 được sửa đổi như sau:**

“6. Chỉ ngừng bán hàng sau khi được Sở Công Thương chấp thuận bằng văn bản trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng (cháy nổ, lũ lụt hoặc đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng không thể duy trì việc bán hàng.”

**16. Khoản 1 và Khoản 4 Điều 29 được sửa đổi như sau:**

“1. Được kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, kinh doanh dịch vụ vận tải và tra nạp xăng dầu theo hợp đồng đã ký;

4. Nếu có hoạt động kinh doanh khác về xăng dầu (thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động kinh doanh đó;”

**17. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân sản xuất xăng dầu có tổ chức hệ thống phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng **hai mươi (20) ngày** cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại; bao gồm dự trữ phục vụ an ninh năng lượng quốc gia, dự trữ lưu thông bắt buộc.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng **năm (05) ngày** cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân sản xuất xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu đạt mức 15 ngày sản xuất đối với dầu thô và 10 ngày sản xuất đối với sản phẩm xăng dầu tính theo sản lượng sản xuất bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề”

4. Cơ chế sử dụng nguồn xăng dầu dự trữ bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và/hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương để phục vụ công tác bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường khi cần thiết.”

**18. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 33. Tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, Bộ Công Thương xác định nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu của năm tiếp theo. Nhu cầu xăng dầu phục vụ cho quốc phòng được xác định riêng.

2. Trên cơ sở nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu thực tế tiêu thụ nội địa năm trước liền kề và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

3. Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước để thương nhân đầu mối thực hiện.

4. Căn cứ nhu cầu thị trường, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định tổng khối lượng xăng dầu kinh doanh các loại để tiêu thụ tại thị trường trong nước nhưng không thấp hơn mức tối thiểu được giao.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc việc bảo đảm tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của các thương nhân, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và tiêu dùng của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương điều chỉnh mức tổng nguồn tối thiểu đã giao cho các thương nhân.

**19. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 34. Thủ tục đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, trên cơ sở tình hình tiêu thụ xăng dầu trong năm và kế hoạch phát triển trong năm tiếp theo, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu với Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đăng ký là một (01) bộ, gồm có:

a) Công văn đề nghị trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại xăng dầu đăng ký được giao hạn mức tổng nguồn tối thiểu.

b) Báo cáo tình hình kinh doanh xăng dầu của đơn vị trong năm.”

**20. Điều 37 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“Điều 37. Quỹ bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu là Quỹ tài chính không nằm trong cân đối Ngân sách Nhà nước (sau đây gọi chung là Quỹ bình ổn giá); toàn bộ nguồn trích lập, chi sử dụng chỉ để thực hiện trong công tác điều hành giá xăng dầu trong nước, góp phần bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Thương nhân đầu mối có nghĩa vụ trích lập Quỹ bình ổn giá; hạch toán riêng bằng một tài khoản mở tại ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thương nhân đầu mối chịu trách nhiệm về việc lựa chọn ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có độ tín nhiệm cao và bảo đảm an toàn số dư Quỹ Bình ổn giá.

2. Trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu:

a. Mức trích lập Quỹ bình ổn giá:

Mức trích lập Quỹ bình ổn giá là một khoản tiền cụ thể theo thông báo điều hành giá cơ sở của Bộ Công Thương tính trên lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ; là một yếu tố cấu thành giá cơ sở và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá bán của thương nhân đầu mối.

b. Mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá:

- Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá là khoản tiền cụ thể tính trên một đơn vị xăng dầu tiêu thụ thực tế (lít, kg) mà thương nhân đầu mối được sử dụng theo thông báo điều hành của Bộ Công Thương nhằm góp phần bình ổn giá xăng dầu trong nước.

- Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá được cơ quan nhà nước điều hành theo các nguyên tắc sau:

+ Khi giá cơ sở tăng cao hoặc việc tăng giá ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

+ Được căn cứ trên số dư Quỹ tại thời điểm điều hành giá, diễn biến giá cơ sở xăng dầu, tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá.

- Thương nhân đầu mối chỉ được sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo thông báo điều hành giá cơ sở của Bộ Công Thương. Nghiêm cấm sử dụng Quỹ Bình ổn giá để cấp vốn kinh doanh hoặc cho các mục đích khác.

3. Bộ Công Thương (cơ quan điều hành giá xăng dầu) có trách nhiệm căn cứ tình hình thực tế tại thời điểm điều hành giá để quyết định mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá phù hợp sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

4. Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá được tính lãi suất theo mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi 01 tháng của Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá trong cùng thời kỳ.

Trường hợp thương nhân đầu mối sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo thông báo của Bộ Công Thương nhưng tại thời điểm đó số dư của tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá không còn (số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá tại ngân hàng thương mại bằng không (0)), thương nhân đầu mối được vay vốn để bù đắp và được tính lãi suất tối đa bằng mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi 01 tháng của Ngân hàng nơi thương nhân đầu mối vay vốn để bù đắp Quỹ Bình ổn giá. Các Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá có trách nhiệm tạo điều kiện để các doanh nghiệp được vay vốn bù đắp phần thâm hụt do sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo điều hành của Nhà nước.

5. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm công bố công khai trên phương tiện thông tin điện tử của thương nhân hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời báo cáo về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về tình hình trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu cuối kỳ của tháng liền kề trước đó; đồng thời công bố công khai số dư Quỹ Bình ổn giá tính đến trước mỗi lần điều chỉnh giá bán xăng dầu trong nước.

Thương nhân đầu mối có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp vi phạm, căn cứ mức độ của hành vi xẽ bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoặc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo quy định. Đối với trường hợp trích lập, chi sử dụng không đúng hoặc chậm nộp tiền trích lập Quỹ Bình ổn giá vào tài khoản Quỹ Bình ổn giá tại ngân hàng theo quy định thì ngoài việc nộp đủ số tiền theo thông báo điều hành của Bộ Công Thương còn bị xử phạt với số tiền phạt bằng (=) số tiền chậm nộp nhân (x) 0,03% nhân (x) số ngày chậm nộp; mức phạt được hạch toán tăng thêm vào Quỹ Bình ổn giá.

6. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, sử dụng và quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra, giám sát các thương nhân đầu mối thực hiện các quy định về Quỹ bình ổn giá xăng dầu.”

**21. Điều 38 được sửa đổi bổ sung như sau:**

“Điều 38. Nguyên tắc điều hành giá xăng dầu:

1. Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới và tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

2. Thương nhân đầu mối được quyền quyết định giá bán buôn. Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu quyết định giá bán lẻ xăng dầu (riêng dầu madut là giá bán buôn) phù hợp với chi phí phát sinh thực tế tại doanh nghiệp và không cao hơn mức giá cơ sở xăng dầu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố; có trách nhiệm kê khai giá bán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính) theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thời gian điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu được thực hiện vào ngày 01 và 16 hàng tháng (tối đa giữa hai lần liêp tiếp là 15 ngày).

4. Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng trên mười phần trăm (> 10%) hoặc giảm quá sâu so với giá cơ sở liền kề trước đó, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến về biện pháp điều hành cụ thể.

Trường hợp giá cơ sở tăng quá cao dẫn đến việc tăng giá xăng dầu trong nước ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.”

**22. Bổ sung Điều 38a sau Điều 38 về công thức giá cơ sở như sau:**

“Điều 38a. Công thức giá cơ sở:

1. Giá cơ sở xăng dầu được xác định bằng (=) Giá xăng dầu tối đa từ nguồn nhập khẩu nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu nhập khẩu cộng (+) Giá xăng dầu tối đa từ nguồn sản xuất trong nước nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu trong nước.

a. Giá xăng dầu tối đa từ nguồn nhập khẩu bao gồm và được xác định bằng (=) Giá CIF cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức tối đa cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó:

- Giá CIF để tính giá tối đa là giá xăng dầu thế giới cộng (+) chi phí định mức tối đa đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam. Giá xăng dầu thế giới là giá xăng dầu thành phẩm được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày được công bố bởi Hãng tin Platt’s; được tính bình quân tối đa 15 ngày sát với ngày tính giá cơ sở.

- Chi phí thuế nhập khẩu bình quân để tính giá tối đa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng xăng dầu nhập khẩu với các mức thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định. Mức thuế nhập khẩu bình quân gia quyền của Quý này được áp dụng trong công thức tính giá tối đa xăng dầu nhập khẩu Quý sau.

Các chi phí thuế, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Mức trích lập Quỹ bình ổn giá thực hiện theo thông báo của Bộ Công Thương sau khi thống nhất với Bộ Tài chính tại thời điểm công bố giá cơ sở.

- Các khoản chi phí chi phí định mức tối đa đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam, chi phí kinh doanh xăng dầu định mức tối đa, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính rà soát, đánh giá từ thực tiễn thực hiện của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối và thông báo áp dụng hàng năm, trừ trường hợp có phát sinh biến động lớn phải điều chỉnh kịp thời.

Định kỳ hàng năm, thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối có trách nhiệm kiểm toán riêng chuyên đề về chi phí kinh doanh xăng dầu, chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam và gửi báo cáo được kiểm toán về Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 của năm tài chính kế tiếp. Bộ Tài chính tổng hợp, khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét điều chỉnh và thông báo áp dụng để tính giá cơ sở.

b. Giá xăng dầu tối đa từ nguồn sản xuất trong nước bao gồm và được xác định bằng (=) Giá bán xăng dầu bình quân số học của các nhà máy lọc dầu trong nước và của doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phầm xăng dầu của nhà máy bán cho thương nhân đầu mối cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức tối đa cộng (+) mức trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu + Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó:

- Giá bán xăng dầu của các nhà máy lọc dầu trong nước và của doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phầm xăng dầu của nhà máy bán cho thương nhân đầu mối đưa vào tính giá xăng dầu tối đa từ nguồn sản xuất trong nước là mức giá bán bình quân tối đa 15 ngày sát với ngày tính giá cơ sở.

Giá bán xăng dầu sản xuất trong nước do các bên thỏa thuận, quyết định và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; tối đa không cao hơn giá bán xăng xầu cùng chủng loại trong khu vực (giá Platts Singapore, giao về cảng Việt Nam).

Các nhà máy lọc dầu trong nước và các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm có trách nhiệm kê khai giá bán và sản lượng bán của đơn vị với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Mức giá kê khai là mức giá bán bình quân tối đa 15 ngày thuộc chu kỳ tính giá, được xác định tại cửa kho nhà máy hoặc tại cảng của doanh nghiệp sản xuất, đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt; sản lượng kê khai là sản lượng đã bán cho các doanh nghiệp đầu mối trong một quý.

- Các chi phí thuế, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

- Mức trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá thực hiện theo thông báo của Bộ Công Thương tại thời điểm tính giá.

- Chi phí kinh doanh xăng dầu định mức tối đa, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính rà soát, đánh giá từ thực tiễn thực hiện của các thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mối và thông báo áp dụng hàng năm, trừ trường hợp có phát sinh biến động lớn phải điều chỉnh kịp thời.

2. Giá cơ sở xăng sinh học được xác định bằng (=) giá tối đa xăng sinh học phối trộn từ nguồn xăng không chì nhập khẩu nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu nhập khẩu cộng (+) Giá tối đa xăng sinh học phối trộn từ nguồn xăng không chì trong nước nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu trong nước.

a. Giá cơ sở xăng sinh học được phối trộn từ etanol nhiên liệu và nguồn xăng không chì nhập khẩu bao gồm các yếu tố và được xác định bằng (=) {tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) (giá CIF xăng không chì cộng (+) Chi phí thuế nhập khẩu bình quân xăng không chì) cộng (+) tỷ lệ phần trăm thể tích etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá etanol nhiên liệu} cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó, giá CIF và chi phí thuế nhập khẩu bình quân áp dụng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

b. Giá tối đa xăng sinh học được phối trộn từ etanol nhiên liệu và nguồn xăng không chì trong nước bao gồm các yếu tố và được xác định bằng (=) {tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) (giá bán xăng không chì bình quân của các nhà máy lọc dầu trong nước cộng (+) tỷ lệ phần trăm thể tích etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá etanol nhiên liệu} cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành”.

**23. Sửa đổi Khoản 2 Điều 39 như sau:**

“2. Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về: Giá thế giới, giá bán của các nhà máy lọc dầu trong nước, giá cơ sở, giá bán lẻ xăng dầu hiện hành; thời điểm sử dụng, số trích lập, số sử dụng Quỹ bình ổn giá tại các kỳ điều hành giá xăng dầu; các biện pháp khác.

Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng quý; tổ chức kiểm tra giám sát việc điều hành giá xăng dầu, việc thực hiện trích lập Quỹ bình ổn giá của thương nhân đầu mối ”.

**24.** **Sửa đổi điểm đ và bổ sung điểm i, điểm k khoản 1; sửa đổi điểm a, b khoản 2; bổ sung điểm e khoản 3; sửa đổi khoản 4 Điều 40**

“1. Bộ Công Thương:

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính điều hành giá bán xăng dầu, điều hành trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Mức trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá tại thời điểm công bố giá cơ sở thưc hiện sau khi thống nhất với Bộ Tài chính. Khi có ý kiến khác nhau, Bộ Công Thương quyết định và chịu trách nhiệm; trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

k) Bộ Công Thương xem xét, rà soát và quyết định việc áp dụng thí điểm đối với loại hình phương tiện bán xăng dầu mini.”

“2. Bộ Tài chính:

a. Kiểm tra giám sát thương nhân đầu mối thực hiện các quy định tại Điều 37 Nghị định này. Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát các thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối thực hiện quy định tại Điều 38 Nghị định này”

b. Hướng dẫn phương pháp tính giá cơ sở; hướng dẫn việc quản lý, trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra và giám sát việc thực hiện chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức, các quy định về Quỹ bình ổn giá xăng dầu”.

“3. Bộ Khoa học và Công nghệ

e) Chủ trì phối hợp với các bộ ngành liên quan tổ chức thực hiện việc kiểm định về đo lường và xác nhận an toàn đối với loại hình phương tiện bán xăng dầu mini.”

“4. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan quy định điểm đấu nối của hệ thống giao thông với cửa hàng kinh doanh xăng dầu và quy định vùng nước hoạt động của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên mặt nước.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

2. Bãi bỏ Khoản 18 Điều 9, Khoản 7 Điều 15, Khoản 7 Điều 18, điểm c Khoản 2 Điều 40, điểm c Khoản 5 Điều 40 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu và ghi tên thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp khi đề nghị cấp mới hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải tuân thủ quy định tại Nghị định này.

2. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã thực hiện việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc đã được Chính phủ đồng ý mức góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài trước khi Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài theo tỷ lệ đã bán hoặc đã được Chính phủ phê duyệt.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định**

1. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản Điều Nghị định này có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các đơn vị thực hiện ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; - Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (3b).KN. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG     Nguyễn Xuân Phúc** |